

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

XÃ HỘI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO
(GIÁO TRÌNH)

Chủ biên : TS. Trần Hữu Hùng

Nhóm biên soạn: 1. TS. Trần Hữu Hùng

2. PGS.TS Lương Kim Chung

3. TS. Trần Mạnh Hưng

4. ThS. Lê Thị Kim Loan

5. ThS. Phan Thị Bích Ngọc

Đà Nẵng, năm 2020

LỜI NÓI ĐẦU

Xã hội học Thể dục thể thao đã được đưa vào chương trình giảng dạy tại các Trường Đại học Thể dục thể thao ở nước ta vào những năm giữa thế kỷ 20. Từ đó đến nay, xã hội học thể dục thể thao đã góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề mới trong quản lý thể dục thể thao, tiếp cận và hỗ trợ về lý luận và thực tiễn cho hoạt động quản lý thể dục thể thao trong cơ chế nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xu thế phát triển của xã hội học Thể dục thể thao trên thế giới trong những năm gần đây cũng có nhiều đổi mới, rất cần được cập nhật đối với sinh viên.

Giáo trình môn học Xã hội học Thể dục thể thao được thiết kế và xây dựng trên cơ sở thực tiễn phát triển thể dục thể thao hiện nay và tích hợp nội dung các giáo trình Xã hội học Thể dục thể thao đã có, để giảng dạy cho sinh viên đại học, ngành Quản lý Thể dục thể thao theo mục tiêu chung và yêu cầu thời lượng của chương trình môn học quy định (30 tiết).

Cấu trúc của cuốn sách: Giáo trình Xã hội học Thể dục thể thao gồm 05 chương. Mỗi chương đều có phần mục tiêu giáo dục của chương, nội dung kiến thức, các câu hỏi ôn tập, thi, kiểm tra và giới thiệu tài liệu tham khảo. Mở đầu là giới thiệu sách và mục lục. Cụ thể như sau:

Chương 1: Sự ra đời và phát triển xã hội học Thể dục thể thao (TS. Trần Hữu Hùng).

Chương 2: Cấu trúc xã hội và Thể dục thể thao (ThS. Lê Thị Kim Loan & ThS. Phan Thị Bích Ngọc.)

Chương 3: Một số đặc tính xã hội với thể dục thể thao và các tổ chức thể dục thể thao trong xã hội (TS. Trần Mạnh Hưng & TS. Trần Hữu Hùng).

Chương 4: Lý luận xã hội học của thể dục thể thao cho mọi người (PGS.TS Lương Kim Chung).

Chương 5: Phân tích xã hội học về thể dục thể thao và tư tưởng thể thao Olympic (PGS.TS Lương Kim Chung & TS. Trần Hữu Hùng).

Trong quá trình biên soạn, tuy đã có nhiều cố gắng nhưng khó tránh khỏi khiếm khuyết, Tập thể tác giả trân trọng tiếp thu ý kiến đóng góp của các nhà khoa học và bạn đọc để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn.

Tập thể tác giả

Chương 1

SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO

- *Kiến thức*: Cung cấp những tri thức, các khái niệm về xã hội học nói chung và xã hội học Thể dục thể thao (TDTT) nói riêng. Các chức năng cơ bản và phạm trù khoa học đặc trưng của xã hội học, sự ra đời, phát triển, các thuộc tính và đối tượng nghiên cứu của xã hội học TDTT.

- *Kỹ năng*: Giúp người học có khả năng vận dụng tri thức lý luận xã hội học trong đời sống xã hội nói chung và hoạt động TDTT nói riêng, nhằm góp phần cải thiện xã hội và cuộc sống con người.

- *Thái độ* : Trên cơ sở những kiến thức truyền đạt giúp cho người học có thái độ và biết cách ứng xử phù hợp trong quan hệ của con người trong các nhóm xã hội, trong cộng đồng và các tổ chức hình thành nên xã hội. Vấn đề đặt ra là trong tiến trình phát triển mạnh mẽ sự nghiệp TDTT trong giai đoạn hiện nay của đất nước, càng đòi hỏi phổ biến lý luận xã hội học TDTT cho nguồn lực cán bộ, công chức TDTT, nhằm góp phần xây dựng nhân tố con người, trong đời sống xã hội.

1.1. Sự ra đời và phát triển của xã hội học

Xã hội học là môn khoa học nghiên cứu về xã hội và thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, là môn khoa học ra đời muộn hơn các môn khoa học khác, lúc đầu tồn tại lẫn trong triết học và đến nửa sau thế kỷ 19 mới được thừa nhận là môn khoa học độc lập bởi hệ thống lý luận và phương pháp nghiên cứu xã hội được hình thành rõ rệt. Xã hội học có quá trình phát sinh và phát triển lâu dài từ nguồn gốc xã hội trước Công nguyên với những nhà tư tưởng như Platon và Aristote, mãi đến giữa thế kỷ 19 với những cuộc cách mạng lớn làm biến động sâu sắc xã hội khiến các nhà khoa học phải chuyên chú nghiên cứu xã hội một cách tổng thể bằng những phương pháp xã hội học . Cách nhận thức xã hội bằng những lý luận triết học, chính trị học, lịch sử học, sinh học và tiến hóa đã dẫn đường cho xã hội học hình thành như một khoa học độc lập.

Xã hội học ra đời trong những điều kiện, hoàn cảnh sau:

- *Những biến động kinh tế - xã hội và nhu cầu nhận thức xã hội*

Tình hình kinh tế - chính trị - xã hội ở một số nước ở châu Âu vào cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, đã làm lay chuyển tận gốc rễ trật tự phong kiến đã tồn tại

hàng ngàn năm. Cách mạng khoa học kỹ thuật (máy hơi nước, ...) làm cho lực lượng sản xuất tư bản hình thành. Cùng với những yếu tố tự do sản xuất và cạnh tranh, thị trường giao lưu rộng rãi, di dân ... dẫn đến đảo lộn trật tự kinh tế cũ, hình thành trật tự quản lý kinh tế mới, đời sống xã hội với những truyền thống phong kiến bị phá vỡ, thay thế bằng tự do, cạnh tranh, tôn sùng vật chất, phân tầng xã hội, giai cấp. Những yếu tố đó đã đòi hỏi một hệ thống lý luận và phương pháp xã hội học nhằm giải thích xã hội.¹²

- Những biến động chính trị - nhân sinh quan:

Các cuộc cách mạng diễn ra trong thế kỷ 18 và 19, như Cách mạng tư sản Pháp 1789, Công xã Paris 1871, Cách mạng tháng 10 Nga 1917, đã làm thay đổi thể chế chính trị xã hội, đã được nhiều nhà triết học, xã hội học nghiên cứu và rút ra tính tất yếu của cách mạng vô sản, nhất là những tác phẩm chính trị - kinh tế học của Mác và Angels làm đảo lộn hệ tư tưởng tư sản, triết học duy tâm.

- Biến đổi và hoàn thiện về lý luận và phương pháp nghiên cứu

Ở thế kỷ 18 và thế kỷ 19, lý luận xã hội học của Auguste Comte, Spencer, Durkheim, Weber, ... bổ sung và hoàn thiện trên cơ sở những phương pháp nghiên cứu khoa học tự nhiên, triết học, lịch sử, tâm lý. Những tiến bộ khoa học tự nhiên và các phương pháp nghiên cứu khoa học đặt ra những nhận thức mới một cách khoa học để đấu tranh lại với những học thuyết duy tâm, trừu tượng.

Marx và Angels đã đề ra hệ thống phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm cho môn khoa học xã hội học phát triển nhanh trong nửa sau thế kỷ 19 và thế kỷ 20.

Lênin bằng nhiều tác phẩm của mình đã hàm chứa sâu sắc hệ lý luận và phương pháp nghiên cứu xã hội học cận đại và hiện đại.

Xã hội học ra đời là tất yếu khách quan nhằm nhận thức xã hội. Trong quá trình hình thành và phát triển của mình, xã hội học luôn gắn bó với các môn khoa học khác. Nhưng để trở thành một môn khoa học độc lập thì phải có lý luận và

¹ (J.Macionis, 2005);

² (Phạm Tất Dong & Lê Ngọc Hùng, 1998)

phương pháp đặc trưng xã hội. Auguste Comte cuối thế kỷ 19 đã khởi xướng môn khoa học độc lập này, và đã có thời kỳ tiền sử xã hội học vào cuối thế kỷ 18.

Ở nước ta, Xã hội học ra đời khá muộn so với các ngành khoa học khác. Lần đầu tiên thuật ngữ Xã hội học được đưa vào Nghị quyết Đại hội IV của Đảng: “Mở rộng và nâng cao chất lượng nghiên cứu trên các lĩnh vực xã hội học, sử học, khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học, văn học nghệ thuật”. Đây là mốc xác định vai trò, ý nghĩa môn khoa học Xã hội học ngang hàng với các môn khoa học khác. Xã hội học đáp ứng những yêu cầu xây dựng và quản lý xã hội mà không một khoa học nào thay thế được.

Năm 1976, Phòng Thông tin xã hội học (thuộc viện Thông tin khoa học xã hội) được thành lập. Đây được coi như một tiến bộ mới hoàn toàn trong khoa học xã hội. Với những công trình đầu tiên:

- + Xã hội học lao động
- + Xã hội học gia đình
- + Xã hội học nông thôn

Bên cạnh đó, những công trình nghiên cứu mang tính tổng hợp như: quản lý Xã hội chủ nghĩa một cách khoa học; Thế nào là lối sống Xã hội chủ nghĩa?; Cơ cấu Xã hội chủ nghĩa...

Năm 1979, Ban xã hội học trực thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam được thành lập, sau đó trở thành Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Tại thành phố Hồ Chí Minh có Trung tâm Xã hội học trực thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia.

Xã hội học ở Việt Nam mới ra đời nhưng đã được tổ chức giảng dạy ở nhiều trường đại học, trường chính trị. Nhiều ngành đã vận dụng phương pháp nghiên cứu xã hội học vào nghiên cứu, điều tra xã hội như dân số, gia đình và kế hoạch hóa gia đình, nếp sống văn hóa, giai cấp công nhân... Gần đây đã có những chương trình cấp quốc gia như KX07 - nghiên cứu về con người - động lực và mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ...

Xã hội học Việt Nam lấy quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở lý luận và phương pháp luận. Nhiều tác phẩm và bài viết của Hồ Chí Minh hàm chứa những nội dung và nguyên tắc lý luận cho môn Xã hội học phát triển ở Việt Nam. Tư tưởng, đạo đức, lối sống Hồ Chí Minh như những quan điểm, nguyên lý, phương châm xây dựng môn khoa học xã hội học góp phần phát triển tư duy lý luận thực tiễn cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Những quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng bắt đầu từ Đại hội Đảng VI đã đặt nhiệm vụ và yêu cầu môn Xã hội học tiếp tục nghiên cứu xã hội, nghiên cứu con người - động lực và mục tiêu xã hội Xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường. Xã hội học có tầm quan trọng và có ý nghĩa to lớn đối với hệ thống lý luận về cách mạng Việt Nam trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”.

1.1.1. Khái niệm xã hội học

Hiện có nhiều định nghĩa khác nhau về xã hội học trong các sách, giáo trình trên thế giới và Việt Nam. “Xã hội học” trong tiếng Anh là “Sociology”. Nó được tạo thành bởi bộ phận phía trước bắt nguồn từ chữ “Soi-etis” (nghĩa là xã hội), hoặc “socius” (nghĩa là con người trong xã hội), bộ phận phía sau có nguồn gốc từ chữ “logos” của Hy Lạp (nghĩa là học thuyết, học vấn).³⁴

Với quan điểm, xã hội học là ngành khoa học trí tuệ vì thế giới không phải là những gì mà chúng ta nhìn thấy, Berger, một nhà xã hội học người Mỹ cho rằng nên nhìn nhận thế giới mà chúng ta đang sống với một góc độ và tầm nhìn mới. Trong thế giới này, cái cao quý và thấp hèn, cái thông minh và ngu xuẩn, sự giàu có và nghèo khổ, bất kể thuộc dạng gì, giá trị như thế nào cũng đều đem lại niềm cảm hứng đối với người nghiên cứu xã hội học. Xã hội học giống như một chất kích thích, nó thúc đẩy chúng ta không ngừng tìm tòi và nghiên cứu về những vấn đề trong ngay bản thân xã hội, giúp chúng ta lý giải được những quan điểm, tư

³ (J.Macionis, 2005)

⁴ Phạm Tất Dong & Lê Ngọc Hùng(1998)

tưởng khác với quan điểm tư tưởng của bản thân mình, cũng như nguồn gốc hình thành những quan điểm, tư tưởng đó. Từ đó giúp chúng ta hiểu hơn về ngay chính bản thân mình, lý giải được vấn đề mặt tư tưởng và cuộc sống của chính mình.

Xã hội học được xây dựng trên cơ sở các tiền đề khoa học về đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu, được thực nghiệm trong hoạt động thực tiễn. Xã hội học dựa trên 2 tiền đề cơ bản của mọi khoa học.

- Tiền đề cho giới tự nhiên có tính quy luật.
- Tiền đề về mọi hiện tượng tự nhiên đều có nguyên nhân tự nhiên.

Vì vậy, trong xã hội học có quy luật tự nhiên. Nói rõ hơn là xã hội học phát hiện các quy luật tự nhiên để giải thích các hiện tượng xã hội. Vì lẽ, con người và tổ chức xã hội đều là những bộ phận của giới tự nhiên phát triển ở trình độ cao. Vận dụng quy luật tự nhiên do xã hội học phát hiện ra là dựa trên điều kiện, hoàn cảnh lịch sử và xã hội cụ thể. Như sự tiến hóa tất yếu của các hình thái kinh tế xã hội từ nguyên thủy - nô lệ - phong kiến - tư bản - cộng sản chủ nghĩa bắt nguồn từ quy luật biến đổi quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất, Marx đã chỉ ra quy luật tự nhiên của lịch sử phát triển xã hội. Trong tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản, Marx và Engels đã khẳng định quy luật vận động và phát triển của lịch sử xã hội là cuộc đấu tranh giai cấp. Xã hội học nhằm nghiên cứu tìm ra nguyên nhân xã hội của sự vật, hiện tượng xã hội. Chẳng hạn, thu nhập lao động ở một số nước đang phát triển không tỷ lệ thuận với mức đầu tư vào nhân tố con người, nhóm người có học vấn cao chưa chắc có thu nhập nhiều hơn nhóm người có trình độ học vấn thấp, hoặc khi tiến hành công nghiệp hóa nền sản xuất thì có quốc gia vẫn giữ được bản sắc dân tộc, trong khi đó có nước bị hòa tan, hoặc tại sao phân hóa giàu nghèo và chênh lệch thu nhập càng tách biệt giữa lao động kỹ thuật và lao động cơ bắp chân tay, giữa thành thị và nông thôn. Trong TĐTT không tránh khỏi những quy luật xã hội khách quan cũng bắt nguồn từ mối quan hệ phương thức sản xuất và lực lượng sản xuất.

Vậy “Xã hội học là khoa học nghiên cứu quy luật của sự nảy sinh, biến đổi và phát triển mối quan hệ giữa con người và xã hội”⁵.

Tuy nhiên, ngày nay trong xã hội học có hai cách tiếp cận vĩ mô và vi mô. Khi nghiên cứu đối tượng là con người và xã hội. Tiếp cận vĩ mô biểu hiện nghiên cứu hệ thống xã hội, cơ cấu xã hội; tiếp cận vi mô biểu hiện nghiên cứu hành vi xã hội hay hành động xã hội của con người và hành vi xã hội của con người.

Chính vì thế xã hội học là khoa học nghiên cứu các mối tương quan xã hội, hệ thống mối tương quan với toàn bộ cơ cấu xã hội .

Tóm lại, xã hội học là khoa học nghiên cứu có hệ thống xã hội loài người với sự nhấn mạnh vào các hệ thống xã hội hiện đại và công nghiệp hóa. Phạm vi nghiên cứu của xã hội học là rất rộng: các nhà xã hội học nghiên cứu tất cả các mối quan hệ của con người, các nhóm, các thể chế, và các xã hội. Tình yêu, hôn nhân, sức khỏe, bệnh tật, tội phạm và hình phạt cũng là phạm vi nghiên cứu của xã hội học.

Xã hội học nghiên cứu các quan hệ xã hội của chủ thể xã hội, nó nghiên cứu trạng thái xã hội trong từng giai đoạn cụ thể, nghiên cứu những mối tác động qua lại trong những khu vực dân cư, tập thể lao động, nhóm gia đình và xã hội. Xã hội học bao giờ cũng gắn liền với một thế giới quan triết học nhất định, xã hội học Việt Nam dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Marx - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.1.2. Chức năng cơ bản

Xã hội học có ba chức năng:

- *Nhận thức xã hội* : Tri thức về những quy luật khách quan phát triển xã hội.
- *Thực tiễn*:
- + Cải thiện xã hội và cuộc sống của con người.

⁵ Phạm Tất Dong & Lê ngọc Hùng (1998)

+ Giải quyết đúng đắn, kịp thời những vấn đề nảy sinh trong xã hội để cải thiện thực trạng xã hội.

+ Dự báo những gì sẽ xảy ra và đề xuất các kiến nghị, giải pháp, kiểm soát các hoạt động, điều chỉnh xã hội.

- *Tư tưởng:*

+ Xã hội học góp phần bồi dưỡng tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc, giáo dục ý thức về vai trò và trách nhiệm của mỗi người trong sự nghiệp phát triển xã hội, theo phương châm “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

+ Hình thành và phát triển phương pháp tư duy nghiên cứu khoa học và khả năng suy xét phê phán.

+ Chức năng tư tưởng của xã hội học Mác - Lênin đóng vai trò là “kim chỉ nam” định hướng nhận thức và hoạt động thực tiễn cho nghiên cứu xã hội học.

Ví dụ: Vào thế kỷ 18-19, các biến động to lớn trong đời sống kinh tế, chính trị xã hội đã dẫn đến nhu cầu thiết lập lại một trật tự xã hội mới.

1.1.3. Nhiệm vụ của xã hội học

Nhiệm vụ chung nhất của xã hội học là nghiên cứu để xây dựng lý luận và phương pháp luận để nhận thức xã hội. Theo Phạm Tất Dong và Lê Ngọc Hùng (1998) thì xã hội học có ba nhiệm vụ chính là nghiên cứu lý luận, nghiên cứu thực nghiệm và nghiên cứu ứng dụng. Cụ thể, xã hội học có các nhiệm vụ sau:

+ Nghiên cứu các hình thái biểu hiện và các cơ chế hoạt động của các quy luật hoạt động của xã hội, của phát triển xã hội nói chung.

+ Tìm ra các quy luật chung của sự vận động và phát triển xã hội. Nghiên cứu quy luật tương tác giữa các thành phần cơ bản của hệ thống xã hội. Nghiên cứu những quy luật được hình thành, thông qua quá trình tương tác giữa phân hệ với hệ thống xã hội.

+ Tìm ra và nghiên cứu các quy luật đặc thù, xuất hiện trên các thành phần cơ bản của hệ thống xã hội.

+ Nghiên cứu các hình thái kinh tế xã hội, nghiên cứu những yếu tố đặc thù trong sự phân bố khu vực của các quốc gia. Quan sát mô tả các sự kiện thực nghiệm, xác lập những điều kiện cho thực nghiệm, tái tạo lại hiện thực.

+ Nghiên cứu để phục vụ cho công tác tổ chức và quản lý xã hội một cách trực tiếp và gián tiếp.

1.1.4. Những phạm trù khoa học đặc trưng trong xã hội học

+ *Quan hệ xã hội*: Quan hệ giữa người với xã hội, giữa người với người, trong quan hệ xã hội thì quan hệ kinh tế là quan trọng nhất, có tính quyết định đến tính chất các quan hệ xã hội khác (như quan hệ tư tưởng, chính trị, văn hóa ...). Quan hệ dọc, ngang và theo chủ thể.

+ *Tương tác xã hội*: Quan hệ tương hỗ, lệ thuộc vào nhau giữa con người và xã hội, không có quan hệ đó thì xã hội không tồn tại và không hoạt động. Xã hội học là một hệ thống các mối tương quan xã hội mà con người chịu ảnh hưởng, tác động nhau trong một môi trường xã hội phức tạp, rộng lớn. Tương tác vĩ mô và tương tác vi mô.

+ *Vị thế xã hội*: Địa vị của con người được hình thành trong xã hội. Ai cũng có vị thế trong xã hội. Xã hội học xem vị thế chủ yếu là sản phẩm của đời sống tinh thần, thượng tầng kiến trúc.

+ *Địa vị xã hội*: Là vị thế chủ chốt của con người, kết tinh cả kinh tế và chính trị, vai trò quyền lực trong địa vị xã hội.

+ *Vai trò xã hội*: Là các vai trò khác nhau không mang tính bền vững, có thời gian trong xã hội.

+ *Thiết chế xã hội*: Hệ thống cấu trúc và mối quan hệ nội tại với mối quan hệ toàn xã hội. Có 5 thiết chế xã hội cơ bản: gia đình, chính trị, kinh tế, tôn giáo, giáo dục.

+ *Phân tầng xã hội*: Nguồn gốc là bất bình đẳng giai cấp tạo ra phân tầng xã hội. Trong thiết chế xã hội có phân tầng các thiết chế (Nhà nước, phi nhà nước, tổ chức xã hội) cá nhân có giai cấp (các giai cấp đẳng cấp xã hội), phân

tầng hình thức hiện tượng xã hội (các hình thái tổ chức khác nhau như câu lạc bộ TDTT là cơ sở của các liên đoàn thể thao ...).

+ *Di động xã hội*: Là sự chuyển dịch của các cá nhân từ tầng lớp này sang tầng lớp khác, địa vị hay này sang địa vị khác. Có di động lên, có di động xuống, giữ nguyên mức độ. Di động liên thế hệ và di động trong cùng một thế hệ tạo ra địa vị mới trong xã hội.

+ *Hành động xã hội*: Là hành vi, cách thức trong quan hệ với xã hội của con người xuất phát từ động cơ, nhu cầu, nguyên nhân. Hành động xã hội là hình thức hoặc cách thức giải quyết các vấn đề xã hội. ⁶

1.1.5. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

Đối tượng nghiên cứu của xã hội học là vấn đề tranh cãi trong lịch sử phát triển của xã hội học. Những nhà sáng lập xã hội học trong thế kỷ 19 coi xã hội học là một khoa học vạch ra quy luật của các xã hội. Cụ thể Comte và Karl Max đã đi tìm những quy luật tiến hóa của xã hội về mặt lịch sử. Khi đối tượng nghiên cứu là các quy luật của các (hệ thống) xã hội thì xã hội học được gọi là xã hội học vĩ mô. Các lý thuyết của H. Spencer, K. Marx, M. Weber, G. Simmel, T. Parsons và một số người khác chủ yếu dựa vào phân tích xã hội học ở cấp kết cấu chính thể của xã hội vì vậy thuộc về xã hội học vĩ mô ⁷.

Khi coi các hiện tượng của các cá nhân, các nhóm nhỏ (ví dụ, hành động xã hội và tương tác xã hội) là đối tượng nghiên cứu, thì xã hội học được gọi là xã hội học vi mô. Trong số các lý thuyết của xã hội học vi mô, có thể kể đến lý thuyết về hành động xã hội, lựa chọn duy lý, trao đổi xã hội và thuyết tương tác tượng trưng ... với những tác giả tiêu biểu như G. Mead, C. Cooley, H. Blumer, ... và những người khác .

Vậy, xã hội học chủ yếu là phân tích “vĩ mô” hay “vi mô”, hay cả hai? Trên thực tế rất khó trả lời một trong ba phương án trả lời đã có sẵn ở trên. Thực chất việc phân chia xã hội học thành “vĩ mô” hay “vi mô” chỉ mang tính chất tương đối, ước lệ, nhưng lại đề ra những khó khăn cần khắc phục. Vấn đề nan giải

⁶ Dương Nghiệp Chí, Lương Kim Chung (2001)

⁷ Phạm Tất Dong, Lê ngọc Hùng (1998)

của các nhà xã hội học vĩ mô là những thay đổi ở cấp xã hội, dân tộc, tổ chức thường trải dài theo thời gian và không gian, thường diễn ra rất chậm chạp, khó quan sát, khó nắm bắt. Do đó khó áp dụng các phương pháp trắc nghiệm đối với những giả thuyết khoa học rút ra từ các khái niệm, các lý thuyết của xã hội học vĩ mô.

Các nhà xã hội học vi mô nghiên cứu những hiện tượng, quá trình xảy ra trong đời sống thường ngày của các cá nhân. Vấn đề hóc búa của xã hội học thuần túy vi mô không chỉ ở chỗ các hiện tượng cá nhân diễn ra rất năng động tinh vi, phức tạp, cũng không chỉ ở chỗ các cá nhân cụ thể hành động rất khác nhau mà là hành vi của cá nhân dường như bị “bàn tay vô hình” xếp đặt. Các nhà kinh tế học cho rằng “bàn tay vô hình” là kinh tế thị trường có khả năng chi phối hành vi của khách hàng và các quyết định quản lý sản xuất của các doanh nghiệp. Các nhà xã hội học cho đó là “*bàn tay vô hình*” của cơ cấu xã hội, thực chất là của hệ thống chuẩn mực, hệ thống giá trị.⁸

Việc đặt xã hội học vĩ mô đối lập xã hội học vi mô đang dần lùi vào dĩ vãng. Một số nhà nghiên cứu đề cập đến cấp “*trung gian*” giữa vĩ mô và vi mô như nhóm, tập hợp mẫu và nghiên cứu tình huống ... Việc xác định đối tượng nghiên cứu của xã hội học là quy luật nảy sinh, phát triển mối quan hệ giữa xã hội học và con người có ý nghĩa to lớn không chỉ trong việc giải quyết những vấn đề lý luận và phương pháp luận mà còn trong việc tái thiết mối quan hệ của nó với các khoa học khác.

Tóm lại, đối tượng nghiên cứu của xã hội học là các cộng đồng xã hội, các hình thức xã hội của sự tồn tại và phát triển của con người, đó là tính chất xã hội của sự hoạt động của đời sống con người, nó bao gồm các hình thức tổ chức gia đình, dân cư, cộng đồng giai cấp và xã hội, thành phần dân tộc, nghề nghiệp, xã hội, nhân khẩu xã hội. Như vậy đối tượng nghiên cứu của xã hội học là tất cả quá trình và hiện tượng xã hội. Trong quá trình ấy, dù ở cấp vi mô hay vĩ mô thì xã

⁸ Nguyễn Sinh Huy (1998)

hội học cũng cần tập trung nghiên cứu về mức độ biểu hiện, nguyên nhân, động lực và xu hướng phát triển của chúng.

1.2. Sự ra đời và phát triển của xã hội học TDTT

1.2.1. Sự ra đời và phát triển của xã hội học TDTT

Cũng giống như những ngành khoa học khác, sự ra đời và phát triển môn xã hội học TDTT không phải là một sự ngẫu nhiên. Xã hội học TDTT có xuất phát điểm từ ngành xã hội học.

Cơ sở ra đời của xã hội học TDTT trước hết dựa vào sự phát triển lớn mạnh của TDTT. Khi mà vị trí, vai trò của TDTT đã được khẳng định trong đời sống xã hội loài người thì nó sẽ đặt nền móng vững chắc cho sự ra đời của xã hội học TDTT.

TDTT là hiện tượng văn hóa xã hội, bắt nguồn ngay từ xã hội nguyên thủy và xã hội chiếm hữu nô lệ của loài người. Theo tài liệu lịch sử thì từ năm 776 trước công nguyên, Hy Lạp cổ đại đã bắt đầu tổ chức thi đấu TT, đó chính là cơ sở để phát triển thành phong trào Olympic hiện đại ngày nay. Cùng với sự phát triển của lịch sử, TDTT được con người đưa vào lĩnh vực giáo dục, trở thành bộ phận không thể thiếu của giáo dục học đường. Các môn, các chuyên ngành, lĩnh vực, tổ chức TDTT lần lượt ra đời. Sự phát triển TDTT ngày càng phong phú, trở thành phương tiện văn hóa - giáo dục rất quan trọng để góp phần tăng cường thể chất, làm phong phú đời sống tinh thần của con người; góp phần phát triển con người toàn diện. Tính cạnh tranh quyết liệt của thể thao thành tích cao đã trở thành đời sống chính trị - xã hội, văn hóa - xã hội độc đáo không thể thiếu ở các quốc gia. Con người bắt đầu xem trọng nghiên cứu các hiện tượng xã hội của TDTT, những quy luật nội tại của TDTT, mối quan hệ của TDTT với các lĩnh vực khác của xã hội. Con người cũng phải giải quyết các mâu thuẫn nội tại, đặc biệt các mâu thuẫn kinh tế - xã hội liên quan tới TDTT để phát triển. Vậy là xã hội học TDTT được ra đời và phát triển, trên nền tảng của ngành xã hội học.⁹

- Sự phát triển xã hội học TDTT quốc tế

⁹ Dương Nghiệp Chí, Lương Kim Chung (2001)

Giao lưu và hợp tác quốc tế có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển và tiến bộ của bất cứ một ngành khoa học nào, trong đó có việc thành lập các tổ chức học thuật quốc tế. Xã hội học TDTT đã hình thành được cơ chế giao lưu quốc tế chính thức một cách hiệu quả để có thể phát triển một cách mạnh mẽ.

Tháng 6 năm 1964, dưới kiến nghị của Ủy ban TDTT quốc tế thuộc Tổ chức Văn hóa, khoa học và giáo dục của Liên hiệp quốc (ICSPE - UNESCO), do sự chuẩn bị của học giả người Ba Lan Andrej Wohl, Ủy ban Xã hội học Thể thao quốc tế đã được thành lập tại Geneve, Thụy Sĩ với tên tiếng Anh là International CommiTTEE for Sociology of sport, viết tắt là ICSS. Cũng thời điểm đó, tổ chức này đã được Hội Xã hội học quốc tế (international Sociology Association, ISA) tiếp nhận là thành viên chính thức. Các hoạt động chủ yếu của Ủy ban Xã hội học Thể thao bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc hội thảo khoa học về Xã hội học Thể thao mang tầm quốc tế.
- b. Tổ chức các lớp học tập, bồi dưỡng kiến thức về xã hội học thể thao quốc tế.
- c. Cùng với Hội Xã hội học quốc tế tổ chức các hội nghị khoa học về lĩnh vực xã hội học thể thao.
- d. Tổ chức và điều hành các hoạt động hợp tác và nghiên cứu khoa học quốc tế.
- e. Biên tập, phát hành các loại ấn phẩm, tạp chí, sách báo chuyên ngành Xã hội học Thể thao quốc tế.

Ngành Xã hội học Thể thao có những đặc thù riêng biệt: Một là, lý luận cơ bản của nó có được từ lý luận của ngành khoa học mẹ đẻ là xã hội học, sự phát triển của nó bắt buộc phải dựa vào lý luận xã hội học; hai là: đối tượng nghiên cứu và đối tượng phục vụ của nó đều gắn liền với thể thao.

- Xã hội học TDTT ở nước ta

Từ những năm 60-80 của thế kỷ 20, các nghiên cứu sinh và lưu học sinh về TDTT của Việt Nam học tập và nghiên cứu tại các nước xã hội chủ nghĩa (cũ) đã

bắt đầu được làm quen với môn xã hội học và xã hội học TDTT. Mặc dù lý luận và thực tiễn xã hội học TDTT trong giai đoạn này chưa được phát triển như ngày nay. Như vậy, ta có thể thấy rằng, một số tri thức xã hội học TDTT đến với ngành TDTT Việt Nam từ khoảng những năm 60-80 của thế kỷ 20. Đây chính là giai đoạn ban đầu của xã hội học TDTT nước ta.¹⁰

Tuy nhiên, xã hội học TDTT ở nước ta còn chậm phát triển và thiếu đồng bộ. Tới năm 2001, môn xã hội học TDTT mới bắt đầu có tài liệu giảng dạy cho sinh viên và học viên cao học TDTT tại các trường đại học TDTT ở nước ta. Cho dù còn chậm phát triển, nhưng xã hội học TDTT cũng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành TDTT nước nhà, đặc biệt sau khi trở thành môn học chính thức tại các trường đại học TDTT. Chúng ta có thể khái quát thành tựu xã hội học TDTT trong một số năm qua các vấn đề dưới đây:

a. Tri thức thuộc lĩnh vực xã hội học TDTT giúp ngành TDTT từng bước chuyển đổi thể chế quản lý TDTT theo loại hình kết hợp thể chế quản lý nhà nước với quản lý xã hội. Gần đây, Hội Golf Việt Nam và Hội Thể thao điện tử giải trí Việt Nam được Bộ Nội vụ cho phép thành lập, đã nâng số lượng tổ chức xã hội về TDTT nước ta lên con số 29 (tính đến năm 2017). Các tổ chức xã hội về TDTT đã góp phần phát triển TDTT nước nhà, thực hiện các nhiệm vụ về quyền hạn quy định trong Luật TDTT.

b. Lý luận xã hội học về thể chế, thiết chế quản lý TDTT đã được một số nhà khoa học nước ta quan tâm nghiên cứu, thúc đẩy sự hình thành những thiết chế TDTT quan trọng. Lý luận xã hội học TDTT đã góp phần làm cơ sở khoa học để hoạch định quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT toàn quốc từ năm 2001-2010. Trong quy hoạch được Chính phủ phê duyệt có chú trọng giải pháp xã hội hóa TDTT, chuyên nghiệp hóa TDTT¹¹.

c. Vào năm 1998, Ủy ban TDTT (cũ) đã trình Chính phủ đề án xã hội hóa TDTT; vào năm 1999, Liên đoàn bóng đá Việt Nam đã trình đề án chuyên nghiệp

¹⁰ Dương Nghiệp Chí, Lương Kim Chung (2001)

¹¹ Ủy ban TDTT (1998)

hóa bóng đá. Một số nhà khoa học đã biên soạn các đề án này và viết nhiều tài liệu khoa học có liên quan.

d. Một số vấn đề khác thuộc phạm trù lý luận và thực tiễn xã hội TDTT cũng bước đầu được quan tâm nghiên cứu ở nước ta, kể cả trong các đề tài nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh.

1.2.2. Thuộc tính của xã hội học TDTT

Thuộc tính của một ngành khoa học, là những đặc điểm tính chất của nó, xác lập được vị trí vai trò của ngành khoa học đó trong cả khoa học tự nhiên và xã hội nói chung. Tính chất khoa học của xã hội học TDTT không chỉ quy định và ảnh hưởng đến vai trò của xã hội học TDTT trong ngành khoa học xã hội mà còn ảnh hưởng đến việc xác định đối tượng nghiên cứu của xã hội học TDTT.

a. Xã hội học TDTT không phải là ngành khoa học mới: Mọi người thường coi những ngành khoa học có lịch sử phát triển ngắn là ngành khoa học mới nổi, tuy nhiên đó chỉ là sự lý giải một cách phổ thông mà thôi. Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, ngành khoa học mới nổi là ngành khoa học có tính tổng hợp mới. Trong quá trình giải quyết một số vấn đề to lớn của xã hội hiện đại, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật đan xen lẫn nhau, phát sinh ra một số ngành khoa học mới, không thuộc ngành khoa học tự nhiên hay khoa học kỹ thuật đơn thuần, cũng không phải ngành khoa học xã hội thuần túy. Chẳng hạn như các ngành sinh thái học, tương lai học, kỹ thuật mỹ học, công trình tâm lý học (còn gọi là công hiệu học), tội phạm học, ...Chúng ta thử lấy ví dụ như ngành sinh thái học, nó là sự kết hợp của các ngành sinh vật học, tâm lý học, dân số thống kê học, xã hội học, văn hóa học. Nó nghiên cứu sự thích nghi của con người với không gian và môi trường xung quanh. Sự nghiên cứu tổng hợp này đã phá vỡ tính độc lập, đơn nhất về đối tượng nghiên cứu của một ngành khoa học, phá vỡ trạng thái đóng băng, cách lý giải trong nghiên cứu, từ đó tạo ra các mối liên kết đan xen trong quá trình nghiên cứu. Vì những lý do trên cho thấy, xã hội học TDTT là một ngành khoa học mới.

b. Sự hình thành các chuyên ngành khoa học thuộc ngành xã hội học: Từ khi xã hội học phát triển đến nay, nó không chỉ xây dựng được hệ thống lý luận cơ bản giúp cho con người có thể nhận thức xã hội một cách toàn diện ở tầm vĩ mô, mà còn ra đời các chuyên ngành hẹp giúp con người có thể nhận thức xã hội một cách toàn diện ở tầm vĩ mô, mà còn ra đời các chuyên ngành hẹp giúp con người có thể nhận thức các lĩnh vực của xã hội một cách cụ thể ở tầm vĩ mô. Từ đó xã hội học trở thành “*Mái nhà*” rộng lớn, nơi có nhiều trường phái học thuật, nhiều chuyên ngành khoa học sinh sống. Vậy các chuyên ngành khoa học hẹp của xã hội ra đời như thế nào? Chủ yếu bằng hai con đường dưới đây.

** Sự kết hợp của chúng với ngành khoa học khác tạo thành khoa học liên ngành*

Đến thế kỷ 20, xã hội học đã đạt được bước tiến bộ khá dài, tốc độ phát triển nghiên cứu ứng dụng của nó đã vượt ra ngoài giới hạn của một ngành khoa học thông thường. Sự giao thoa với các ngành khoa học khác, đã tạo ra khoa học liên ngành, như xã hội học kết hợp với chính trị học tạo ra xã hội học chính trị; xã hội học kết hợp với giáo dục học tạo ra xã hội học giáo dục; xã hội học kết hợp với kinh tế học tạo nên xã hội học kinh tế; hay xã hội học lịch sử, xã hội học pháp luật, ... Các ngành khoa học liên ngành có tính giao thoa hoặc tính nhị nguyên. Ví dụ: Tính giao thoa hoặc nhị nguyên của xã hội học pháp luật biểu hiện ở tính xã hội học và tính pháp luật học của chúng. Tính xã hội học của xã hội học pháp luật biểu hiện ở quan điểm nghiên cứu pháp luật có màu sắc xã hội học và phương pháp nghiên cứu thì vận dụng phương pháp nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn của xã hội học; tính pháp luật học của xã hội học pháp luật biểu hiện ở chỗ khi nghiên cứu các vấn đề pháp luật, nó dựa trên những phạm trù cơ bản của pháp luật chứ không lặp lại toàn bộ của nghiên cứu pháp luật. Vì vậy, xã hội học pháp luật vừa có thể gọi là ngành khoa học giao thoa, cũng có thể gọi là ngành khoa học liên ngành. Khi xem xét đến đây, chúng ta có thể khẳng định rằng xã hội học thể thao không phải là ngành khoa học giao thoa hoặc khoa học liên ngành. Bởi vì, xã hội

học thể thao không phải là sản phẩm của sự kết hợp giữa xã hội học với khoa học thể thao.

** Khoa học xã hội ứng dụng của xã hội học*

Trong quá trình phát triển của xã hội học, khi những nghiên cứu ứng dụng của xã hội học về một số lĩnh vực của cuộc sống đã cơ bản hình thành nên một hệ thống các môn khoa học chuyên ngành (bao gồm phương pháp, lý luận chuyên ngành và đối tượng nghiên cứu đặc thù), thì lại sản sinh ra một số ngành khoa học xã hội ứng dụng. Ngành xã hội học ứng dụng sinh ra từ quá trình nghiên cứu ứng dụng xã hội học bao gồm xã hội học về một số đối tượng trong xã hội như xã hội học người cao tuổi, xã hội học thanh niên, xã hội học phụ nữ, xã hội học sinh viên, xã hội học gia đình; còn có cả xã hội học về một số hiện tượng xã hội như xã hội học tội phạm, xã hội học đồng tính, xã hội học giải trí, xã hội học du lịch và xã hội học tiêu dùng.

c. Tính chất ngành của xã hội học TDTT

** Khoa học liên ngành sinh ra từ sự kết hợp giữa xã hội học và ngành khoa học khác luôn có thuộc tính ngành song trùng.*

Như đã trình bày ở trên, khoa học liên ngành sinh ra từ sự kết hợp giữa xã hội học và ngành khoa học khác luôn có tính giao thoa hoặc tính nhị nguyên, quyết định đến thuộc tính song trùng. Ví dụ: xã hội học chính trị và xã hội học giáo dục, hai ngành này mặc dù đều có thuộc tính song trùng, nhưng tại sao chúng lại thuộc xã hội học mà không phải thuộc chính trị hay giáo dục học? Quan trọng là ở phương pháp và góc độ (quan điểm) xã hội học của chúng, điều đó làm cho tính chất ngành của chúng càng gần với xã hội học. Có thể thấy rõ điều này qua sự khác biệt cơ bản của xã hội học chính trị với chính trị học. Chính trị học chủ yếu nghiên cứu các hiện tượng chính trị, phân tích mối quan hệ xã hội phức tạp, các nhân tố trong quan hệ xã hội, các hoạt động xã hội. Còn xã hội học chính trị tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa chính trị với xã hội, nghiên cứu nhân tố xã hội của chính trị, xã hội học chính trị chủ yếu là lý giải các hiện tượng chính trị từ góc độ của xã hội học, phân tích hành vi chính trị và hệ thống chính trị, thẩm

thấu chính trị học bằng nguyên tắc và phương pháp của xã hội học, nghiên cứu và quan sát hiện tượng chính trị, đi tìm cơ sở xã hội, văn hóa, tâm lý, kinh tế, chủng tộc, địa vị xã hội của hiện tượng chính trị.

** Xã hội học TDTT có thuộc tính ngành song trùng hay không song trùng*

Xã hội học TDTT là sản phẩm xã hội học về sự phát triển các nghiên cứu ứng dụng xã hội học học, chắc chắn đó là một hiện thực khách quan. Do đó hiển nhiên xã hội học TDTT là một ngành khoa học được ví như ngành hẹp của xã hội học. Vậy thì xã hội học TDTT liệu có mối quan hệ gì với khoa học TDTT hay không? Hoặc nói cách khác liệu xã hội học TDTT có thuộc tính ngành song trùng hay không?

+ Phân tích thuộc tính ngành của xã hội học TDTT từ sự ra đời của nó :

Tốc độ nghiên cứu ứng dụng của xã hội học TDTT đã vượt ra khỏi giới hạn của một ngành khoa học cổ điển thông thường, kéo theo đó là sự bắt đầu một thời kỳ phát triển của các ngành khoa học nhánh (ngành khoa học con). Cũng phải nói thêm là do sự biến đổi mạnh mẽ của xã hội hiện đại đã làm cho TDTT và các hoạt động thực tiễn cơ bản nhất của con người ngày càng khác xa nhau, khi các vấn đề của TDTT ngày càng xuất hiện nhiều, thì những kiến thức lý luận TDTT truyền thống lấy lý luận giáo dục làm trung tâm đã gặp phải những thách thức gay gắt từ thực tiễn. Do vậy, mọi người mới bắt đầu liên kết những vấn đề trên với thực tiễn để tìm ra con đường nhận thức mới. Khi mọi người đi tìm phương án lý giải, chứng minh giải quyết những vấn đề từ mối liên hệ giữa xã hội với TDTT, cũng chính là lúc ngành xã hội học ứng dụng ra đời. Điều đó chứng tỏ rằng, sự ra đời của xã hội học TDTT không chỉ đơn thuần là sản phẩm của sự phát triển các nghiên cứu ứng dụng xã hội học, mà quan trọng chính là từ nhu cầu phát triển tự thân của TDTT, từ nhu cầu muốn nhận thức toàn diện sự phát triển khoa học TDTT. Đó là cơ sở vững chắc về thuộc tính khoa học thể thao của xã hội học TDTT.

+ Phân tích thuộc tính ngành của xã hội học TDTT từ những tranh luận về thuộc tính ngành trong lịch sử của nó: